

LÍ THUYẾT LẬP LUẬN

Trước đây, lập luận (argumentation) được nghiên cứu trong tu từ học và trong lôgic học. Hai nhà ngôn ngữ học Pháp : Oswald Ducrot và Jean Claude Anscombe đã đặc biệt quan tâm tới bản chất ngữ dụng học của lập luận.

I - LẬP LUẬN LÀ GÌ ?

I-1. Miêu tả (khảo nghiệm, xác tín) và lập luận

Ở trên, chúng ta đã nói tới các phát ngôn miêu tả với nội dung phản ánh một hiện thực, sự kiện bên ngoài ngôn ngữ bằng lời nói. Các phát ngôn này là sản phẩm của hành vi khảo nghiệm và nội dung của chúng được đánh giá theo tiêu chuẩn lôgic đúng, sai:

Hayakawa⁽¹⁾ có nhận xét : trong giao tiếp thông thường – không kể trong các văn bản khoa học – các phát ngôn miêu tả kiểu như :

– *Nhà của ông Nhuận có hai tầng.*

– *Con mèo này màu đen.*

– *Trời nhiều mây.*

có số lượng thấp. Trong giao tiếp thông thường, ít khi chúng ta miêu tả để miêu tả. Thường thường, chúng ta miêu tả một cái gì đấy là để hướng người nghe tới một cái gì đấy nằm ngoài sự vật, hiện tượng, sự kiện được miêu tả.

Cái mà người nói hướng người nghe tới qua thông tin miêu tả có thể là một thái độ, một tình cảm, một sự đánh giá, một nhận định hay

(1) Hayakawa. *On pense avec les mots*, France-empire, 1966.

một hành động nào đó cần phải thực hiện. Nói vắn tắt, cái mà thông tin miêu tả hướng tới là một kết luận nào đó rút từ thông tin miêu tả đó.

Lập luận là đưa ra những lí lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận nào đấy mà người nói muốn đạt tới. Có thể biểu diễn quan hệ lập luận giữa các phát ngôn (nói đúng hơn là giữa nội dung các phát ngôn) như sau :

$$p \longrightarrow r$$

p là lí lẽ, *r* là kết luận (*p*, *r* có thể được diễn đạt bằng các phát ngôn u_1, u_2 v.v...)

Trong quan hệ lập luận, lí lẽ được gọi là *luận cứ* (argument). Vậy có thể nói quan hệ lập luận là quan hệ giữa luận cứ (một hoặc một số) với kết luận.

Luận cứ có thể là thông tin miêu tả hay là một định luật, một nguyên lí xử thế nào đấy. Ví dụ :

— *Con mèo này màu đen (p) (nên) rất dễ sợ (r)*

p là một thông tin miêu tả.

— *Một mời thì phải nghỉ ngơi (p) mà cậu thì đã làm việc liên 8 tiếng rồi (q) —> cậu phải nghe nhạc một lát (r).*

Ở ví dụ này, chúng ta có hai luận cứ, *p* là một nguyên lí sinh hoạt và *q* là nhận xét về một trạng thái tâm sinh lí.

I-2. Vị trí, sự hiện diện và tổ chức của các thành phần trong lập luận

Luận cứ và kết luận là những thành phần trong lập luận. Thuật ngữ *lập luận* được hiểu theo hai nghĩa : Thứ nhất, nó chỉ sự lập luận, tức hành vi lập luận. Thứ hai, nó chỉ sản phẩm của hành vi lập luận, tức toàn bộ cấu trúc của lập luận, cả về nội dung, cả về hình thức. Thuật

ngữ quan hệ lập luận dùng để chỉ quan hệ giữa các thành phần của một lập luận với nhau. Có quan hệ lập luận giữa luận cứ với luận cứ và có quan hệ lập luận giữa luận cứ và kết luận. Lại còn quan hệ lập luận giữa hai hay nhiều lập luận với nhau trong một phát ngôn, hay trong một diễn ngôn.

1-2.1. Sự xuất hiện của lập luận trong loại hình diễn ngôn

Chúng ta đã biết có những diễn ngôn độc thoại (monologic, monologique) tức diễn ngôn do một người nói ra, người tiếp nhận không được đáp lại. Diễn ngôn độc thoại phân biệt với diễn ngôn đơn thoại (monologal, monologal) ở chỗ diễn ngôn đơn thoại do một người nói ra (hoặc viết ra) trong một cuộc hội thoại, người tiếp nhận có thể đáp lại. Lại có diễn ngôn song thoại (dialogal, dialogal) tức diễn ngôn của những người đối thoại nói qua lại với nhau trong một cuộc hội thoại. Diễn ngôn độc thoại có thể ở dạng nói hoặc viết.

Những thí dụ về lập luận vừa dẫn có thể làm chúng ta hiểu lầm rằng lập luận chỉ xuất hiện trong một diễn ngôn đơn thoại, trong một phát ngôn hoặc trong một văn bản viết một chiều. Sự thực lập luận có thể nằm trong một phát ngôn, trong một diễn ngôn mà cũng có thể nằm trong lời đối đáp qua lại giữa các nhân vật hội thoại với nhau (sau này chúng ta sẽ gọi là lời thoại, lượt lời, tham thoại, cặp thoại). Những cuộc tranh luận, cãi cọ là những cuộc hội thoại trong đó Sp1 và Sp2 đưa ra những luận cứ dẫn tới những kết luận khác nhau nhằm giành phần thắng cho mình. Lại có những phát ngôn trong hội thoại tuy cũng do hai hoặc một số người khác nhau nói ra nhưng tất cả đều dẫn tới cùng một kết luận. Đơn giản nhất là lập luận sau đây của 3 nhân vật hội thoại Sp1, Sp2, Sp3.

Sp1 : *Đi Đò Sơn làm gì, vừa đông vừa chật chội, nước biển lại đục.*

Sp2 : *Gần thành phố, thực phẩm ở đó đắt lắm. Giá khách sạn cao mà chưa chắc đã còn phòng mà thuê.*

Sp3 : *Năm nào cũng đi biển, chán lắm rồi.*

Sp1₂ : *Không đi Đồ Sơn thì đi đâu ? Sa Pa nhé !*

Sp2, Sp3 : *Hoan hô Sa Pa.*

3 người nêu ra 3 loại luận cứ tất cả đều dẫn đến kết luận "không, đi Đồ Sơn".

Những cuộc hội thoại trong đó các nhân vật cùng hỗ trợ nhau dẫn tới cùng một kết luận sau này sẽ được gọi là những hội thoại đồng hướng. Các cuộc hội thoại đồng hướng lập luận phức hợp là những hội thảo thí dụ như về phòng chống ma túy, bảo vệ môi trường v.v...

Trong một cuộc tranh luận, các nhân vật hội thoại có thể đưa ra những lập luận dẫn tới những kết luận ngược nhau. Chúng ta nói những lập luận đó nghịch hướng với nhau. Mỗi lập luận nghịch hướng là một phản lập luận (contre-argumentation) đối với nhau. Diễn ngôn độc thoại hay song thoại không phải chỉ có một lập luận mà thường là sự phối hợp của một số lập luận (và phản lập luận), các lập luận đó diễn tiến để dẫn đến kết luận cuối cùng, đích của toàn bộ diễn ngôn. Lập luận thường vận động trong diễn ngôn. Nghiên cứu mặt động của diễn ngôn chủ yếu là nghiên cứu vận động lập luận của nó. *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hệ thống của những lập luận bộ phận, các lập luận đó liên kết với nhau, lập luận trước dẫn đến lập luận sau, tất cả tạo nên một vận động đi tới kết luận cuối cùng :

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy."

Trong vận động lập luận này trật tự trước sau của các lập luận bộ phận không thể thay đổi.

Lời của cô Kiều nói với Kim Trọng khi anh chàng "*có chiều lả loi*" là một diễn ngôn đơn thoại mà kết luận cuối cùng vừa là một lời "*đe dọa*" :

*Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,
Đến sau nên thẹn cùng chàng bởi ai ?*

(Câu hỏi có hành vi gián tiếp là đe dọa : nếu chúng ta không rút kinh nghiệm của vụ gieo thoi ngày xưa mà cứ "làm tới" thì thiếp buộc phải hành động như cô gái ngày xưa, ném thoi vào giữa mặt Tạ Côn. Thiếp không làm như vậy, sau này thiếp sẽ thẹn với chàng, hạnh phúc đôi ta sẽ tan vỡ. Thiếp có gieo thoi thì không chỉ vì thiếp mà còn vì chính chàng nữa đấy.)

Vừa là một lời hứa hẹn ngọt ngào :

Còn thân ắt lại đến bởi có khi.

Kết luận này là hệ quả tất yếu của các lập luận bộ phận mà Kiền nói ở trước. Các lập luận trước đã vận động một cách hợp lí đến kết luận tổng thể cuối cùng này.

Sau đây là thí dụ về vận động lập luận trong một cuộc đối thoại giữa hai cô sinh viên tạm đặt tên là Hoa và Tâm.

Tâm 1 : *Yêu đương bây giờ nhạt nhẽo. Toàn những chuyện vỡ vụn.*

Hoa 1 : *Mày nhạt thì có ý. Yêu cũng hay chứ sao.*

Tâm 2 : *Hay hóm gì cái trò ấy. Dở ẹc. Tao thì phải học cái đã. Bao nhiêu chị học giỏi ới là giỏi, yêu vào là học dốt ngay.*

Hoa 2 : *Đấy là mấy bà không có bản lĩnh ấy chứ. Tao quen một chị, chị này mới đầu học cũng bình thường nhưng yêu một anh, anh này học giỏi cực. Thế là hai anh chị giúp nhau cùng tiến.*

Tâm 3 : *Nghe cứ như là tiểu thuyết ấy. Làm gì có chuyện ấy.*

Hoa 3 : *Sao mày cực đoan thế ? Mày không tin à ?*

Tâm 4 : *Bịa đặt. Tao mà yêu vào thì chỉ có học dốt đi thôi. Yêu là phải lo lắng này, suy nghĩ này, mệt cả người. Rồi không*

may nó bỏ thì có phải ốm và thảng ý chứ. Tao chờ đợi mà đâm đầu vào đấy.

Hoa 4 : Yêu cũng có cái hay chứ. Được dựa dẫm sướng quá còn gì.

Tâm 5 : Ôi dào, tao thêm vào ý. Mà tao thấy thanh niên bây giờ toàn thằng dở hơi, tình tởm. Anh cứ tưởng anh có cái xe máy là to lắm đấy, đi đâu mặt cũng vênh vác lên.

Hoa 5 : Thôi tao chẳng thêm nói với mày nữa. Mày bảo thủ lắm. Mày làm như ai cũng xấu cả.

Tâm 6 : Chứ còn gì nữa, mày muốn yêu thì đi mà yêu. Tao thì chịu thôi.

Hoa 6 : Nói thế thôi chứ bây giờ ai rõ dại mà đi yêu đương. Có muốn yêu bây giờ cũng chẳng có ma nào nhòm ngó. Yêu cũng phải tùy từng lúc chứ.

Tâm 7 : Tao thì cứ phải học xong đã.

Hoa 7 : Ừ... ⁽¹⁾

Trong cuộc đối thoại này, từ Tâm 1 đến Tâm 6, từ Hoa 1 đến Hoa 5 từng đôi lời thoại lập thành từng cặp lập luận - phản lập luận. Mặc dầu Tâm và Hoa có những ý kiến khác nhau về chuyện yêu đương trong lúc còn đi học nhưng cuối cùng họ cũng đi đến một kết luận (Hoa 6) dù là kết luận có tính miễn cưỡng. Từ Hoa 6 trở đi, không còn phải lập luận nữa, lập luận của từng người (Hoa 6 và Tâm 6 rồi Hoa 7), đồng hướng với nhau. Trên đây là tóm lược vận động lập luận của từng người và của toàn bộ cuộc hội thoại. Lập luận có vận động thì cuộc hội thoại mới không dậm chân tại chỗ, mới có tính năng động.

(1) Dẫn theo Chu Thị Thanh Tâm. Đề tài diễn ngôn : Sự cộng tác hội thoại để hình thành đề tài diễn ngôn và các hành vi dẫn nhập đề tài diễn ngôn, Luận án PTS Ngữ văn, HN, 1995.

1-2.2. Vị trí và sự hiện diện của các thành phần lập luận trong lập luận

Trong một lập luận, kết luận có thể ở vị trí đầu, vị trí giữa hoặc cuối của luận cứ. Ở Tâm 1, kết luận : *Yêu đương bây giờ nhạt nhẽo* đứng trước luận cứ : *toàn là chuyện vợ vấn*. Ở Tâm 2 kết luận *tao thì phải học cái đã ở giữa* hai luận cứ *hay hôm gì cái trò ấy, đỡ ọc và bao nhiêu chi...* *yêu vào là học dứt ngay*. Ở Tâm 3 kết luận *làm gì có chuyện ấy ở sau* luận cứ *nghe cứ như tiểu thuyết ấy*. Sau luận cứ là vị trí thường gặp trong lập luận của kết luận.

Trong một lập luận, các thành phần luận cứ, kết luận có thể hiện diện tường minh, tức có thể được nói rõ ra. Tuy nhiên không ít những trường hợp trong đó một luận cứ hay kết luận có thể hàm ẩn, người lập luận không nói ra, người nghe tự mình phải suy ra mà biết.

Có đoạn đối thoại sau đây :

Sp1 (một cô gái) :

– Anh ơi, tối nay chúng mình đi xem ban nhạc "Tam ca áo trắng" đi !

Sp2 (chàng trai) :

– Đoàn này ở lại Hà Nội những một tháng kia mà. Vả lại anh trót nhận lời với mấy thằng bạn rồi. Anh không muốn em bị gò bó.

Sp2 :

– Còn em H. Văn 4 thì sao ? Không gò bó chứ ?

Ở lời thoại của Sp2 kết luận từ chối lời rủ của cô gái ở dạng hàm ẩn. Sp2 đã đưa ra hai luận cứ, thứ nhất là : *Đoàn này ở lại Hà Nội những một tháng* và thứ hai : *anh không muốn em bị gò bó vì anh đã nhận lời đi xem với bạn trai*. Hai luận cứ này tự mình cũng là hai lập luận. *Đoàn này ở lại Hà Nội...* là một lập luận. Điều nghe được là luận cứ, kết luận của luận cứ này "không đi xem hôm nay vì còn thời gian" là kết luận ẩn. Lập luận thứ hai : *Vả lại anh trót nhận lời...* *anh không muốn em bị gò bó* phức tạp hơn. Anh trót nhận lời đi với mấy

thằng bạn là luận cứ. Luận cứ này dẫn tới kết luận hàm ẩn : "Em đi với anh mà có bạn trai thì em sẽ bị gò bó". Cái kết luận hàm ẩn này đến lượt mình, đóng vai trò luận cứ cho kết luận *anh không muốn em bị gò bó*. Kết luận chung của lời thoại của Sp2 là do hai luận cứ hàm ẩn mà có và hai luận cứ hàm ẩn này tự thân lại là những kết luận hàm ẩn bộ phận.

Một chàng trai nói với một cô gái như sau :

Anh yêu em vì tình yêu của anh đối với em nên anh sẽ yêu em mãi mãi.

Lập luận này có kết luận là *anh yêu em mãi mãi*, đặc biệt quan yếu trong kết luận này là từ *mãi mãi*. Bằng kết luận này, chàng trai muốn "thông báo" cho cô gái biết lòng thủy chung của mình (*mãi mãi*). Quan hệ lập luận ở đây như thế nào ? Lập luận này hàm ẩn một luận cứ : Đó là luận cứ "tình yêu của anh đối với em không bao giờ tàn phai". Luận cứ này hàm ẩn. Có thể khôi phục các thành phần đầy đủ của lập luận này như sau :

Anh yêu em vì tình yêu của anh đối với em (chứ không phải vì tình yêu của em đối với anh).

mà *Tình yêu của anh đối với em là mãi mãi* (vì là *của anh* nên anh biết là nó sẽ *mãi mãi*)

cho nên *Anh sẽ yêu em mãi mãi*.

Điều quan trọng là, dù kết luận hay luận cứ có thể hàm ẩn nhưng về nguyên tắc, người nói phải thế nào cho người nghe căn cứ vào ngữ cảnh, vào ngôn cảnh, vào ngữ huống có thể tự mình suy ra mà nắm bắt lấy kết luận (hay luận cứ) ẩn. Rất nhiều những kết luận hay luận cứ hàm ẩn do hành vi ngôn ngữ gián tiếp tạo ra. Thí dụ, chàng trai có thể thực hiện hành vi từ chối đi xem bằng một lời trì hoãn. Nếu chàng trai nói : *Đoàn này ở lại Hà Nội những một tháng kia mà, chúng ta không cần đi xem hôm nay.* thì hành vi thông báo việc đoàn này còn ở lại Hà Nội một tháng không có hiệu lực từ chối gián tiếp nữa. Cũng

như hành vi ở lời của đứa bé *Hôm nay con được điểm mười về toán.* sẽ mất hiệu quả gián tiếp "đòi hỏi" nếu nó tường minh hóa hành vi đòi hỏi bằng phát ngôn, thí dụ : *Me mua kem cho con đi.* Về mặt lập luận, hành vi ở lời gián tiếp thường là kết luận mà nội dung của những phát ngôn ngữ vi tường minh là luận cứ. Vì người nói đoán rằng người nghe của mình có thể tự suy ra kết luận được cho nên mới dừng lại ở hành vi trực tiếp mà không hoàn chỉnh phát ngôn của mình nữa bằng việc tường minh hóa hành vi gián tiếp.

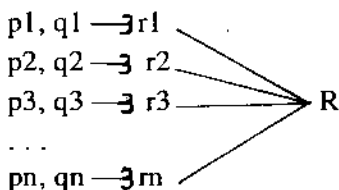
Người nghe càng phải vất vả, tốn nhiều công sức, càng phải huy động nhiều quy tắc, nhiều nhân tố giao tiếp để tìm ra những thành phần hàm ẩn (những hành vi gián tiếp) của lập luận (như trường hợp phát ngôn *anh yêu em vì...*) thì lập luận càng hấp dẫn.

1-2.3. Tính phức hợp của tổ chức lập luận

Những điều nói trên cho thấy tiêu chí để xác định một lập luận là kết luận. Để tìm ra được một kết luận là ta có một lập luận.

Có những lập luận đơn, có nghĩa là lập luận chỉ có một kết luận, các thành phần còn lại đều là luận cứ. Tuy nhiên thường gặp là những lập luận phức hợp. Tạm cho rằng lập luận phức hợp có hai dạng chính, biểu diễn như sau :

$p1, q1 \rightarrow r1 \rightarrow r2 \rightarrow r3 \rightarrow R$



Trong mô hình này, R là kết luận chung, r1, r2, r3... là những kết luận bộ phận. Mô hình thứ nhất có nghĩa là từ luận cứ p1, q1 ta có kết luận r1 ; r1 đóng vai trò luận cứ để có kết luận r2 ; r2 đóng vai trò luận cứ để có kết luận r3, cứ thế tiếp tục cho đến khi ta có kết luận chung, tổng thể R. Mô hình này đã gặp trong lập luận *Vả lại anh chót*